

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

PGS, TS NGUYỄN TRỌNG PHÚC*

Sau đại thắng mùa Xuân 1975 giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, cách mạng Việt Nam có nhiều thuận lợi song cũng đứng trước những khó khăn, thách thức lớn: phải giải quyết hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh, hậu quả của chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam; phải chiến đấu bảo vệ độc lập, chủ quyền của đất nước ở biên giới. Tình hình kinh tế - xã hội trì trệ, hiệu quả phát triển thấp, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Khó khăn về kinh tế có nguyên nhân khách quan tác động nhưng đồng thời cũng do nguyên nhân chủ quan là sự chậm trễ trong đổi mới cơ chế quản lý và cơ cấu kinh tế trong điều kiện mới; sự nóng vội, chủ quan, duy ý chí trong cải tạo XHCN và hoạch định những chính sách, mục tiêu, bước đi cụ thể.

Từ trong khó khăn, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta từng bước có sự thay đổi nhận thức và hành động, tiến hành đổi mới từng phần, khảo nghiệm và tìm tòi con đường đổi mới. Quá trình đó bắt đầu từ HNTU 6 (Khóa IV); 8 - 1979, với chủ trương khuyến khích mọi lực lượng, mọi năng lực sản xuất, tận dụng tự lực sản xuất làm ra nhiều của cải vật chất, làm cho sản xuất bung ra. Trước đó, HNTU 4 (27 -

7 - 1978) cũng đã đặt ra yêu cầu thay đổi cách thức quản lý, *khắc phục lối hoạt động hành chính quan liêu, tách rời quản chúng, tách rời sản xuất*. Hội nghị cán bộ ngành nông nghiệp toàn quốc họp ở Hải Phòng tổng kết kinh nghiệm khoán của Hải Phòng để có thể vận dụng vào các địa phương. Ngày 13 - 1 - 1981, Ban bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100 CT/TW về *khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động* trong các hợp tác xã nông nghiệp. Đó là sự đổi mới bước đầu cơ chế quản lý trong nông nghiệp mang lại hiệu quả rõ rệt, tạo bước phát triển quan trọng của sản xuất nông nghiệp. Trong kinh tế quốc doanh, Chính phủ có Quyết định 25/CP (21 - 1 - 1981) bước đầu thực hiện quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế với việc thực hiện kế hoạch 3 phần. Những bước đi đó đã chú trọng 3 lợi ích: lợi ích của nhà nước, lợi ích của tập thể đơn vị kinh tế và lợi ích của người lao động. Coi trọng lợi ích của người lao động thật sự trở thành động lực thúc đẩy sản xuất phát triển.

Đại hội V của Đảng (3 - 1982) chủ trương tiếp tục thực hiện và tổng kết làm rõ hơn cơ chế quản lý đã được tiến hành; điều chỉnh bước đi của công nghiệp hoá, tập trung đầu tư cho nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Đại hội đề ra những nhiệm vụ cho *Chặng*

* Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng

đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta. Đó là sự điều chỉnh lại để nhận thức rõ hơn về thời kỳ quá độ và con đường đi lên CNXH. Sau Đại hội V, cả nước sôi nổi tìm tòi, khảo nghiệm cách thức quản lý kinh tế, quản lý sản xuất theo hướng hạch toán, kinh doanh, coi trọng hiệu quả để từng bước xóa bỏ cơ chế quản lý cũ đang kìm hãm sản xuất phát triển. Nhiều địa phương và đơn vị kinh tế đã có những bước đi đổi mới quan trọng. Tháng 6 - 1985, HNTƯ 8 (Khoá V) đã chủ trương xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, hành chính bao cấp để chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa và lấy Giá - Lương - Tiền làm khâu đột phá. Tháng 7 - 1986, Trung ương Đảng và Bộ chính trị đã đánh giá những khuyết điểm của cuộc tổng điều chỉnh giá, lương, tiền tháng 9 - 1985 và đưa ra những quan điểm chỉ đạo quan trọng nhằm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, nhất là lĩnh vực phân phối lưu thông. Thực tiễn đó càng cho thấy yêu cầu bức bách phải dứt khoát đổi mới.

Đại hội VI của Đảng cộng sản Việt Nam họp tháng 12 - 1986 đã quyết định đường lối đổi mới.

Trước hết là đổi mới chủ trương, chính sách kinh tế. Từ đổi mới tư duy lý luận, trước hết là tư duy kinh tế, nhận thức rõ hơn về chế độ kinh tế trong thời kỳ quá độ, Đại hội VI chủ trương thực hiện chính sách kinh tế bao gồm nhiều thành phần kinh tế cùng phát triển, sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế. Chính sách đó vừa phù hợp với thực tiễn của nước ta, vừa là sự vận dụng quan điểm của Lênin coi nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ. Các thành phần kinh tế đó là: kinh tế XHCN bao gồm khu vực quốc doanh và khu vực tập thể; kinh tế tiểu sản xuất hàng hoá (thợ thủ công, nông dân cá thể,

những người buôn bán và kinh doanh dịch vụ cá thể); kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức, mà hình thức cao là công tư hợp doanh; kinh tế tự nhiên tự túc tự cấp của một bộ phận đông bào dân tộc thiểu số ở vùng núi cao. "Chính sách đó cho phép sử dụng nhiều hình thức kinh tế với quy mô và trình độ kỹ thuật thích hợp trong từng khâu của quá trình sản xuất và lưu thông nhằm khai thác mọi khả năng của các thành phần kinh tế liên kết với nhau trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chỉ đạo. Đó là một giải pháp có ý nghĩa chiến lược, góp phần giải phóng và khai thác mọi khả năng để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý". Đó cũng chính là sự nhận thức rõ hơn quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất và quá trình cải tạo XHCN phải có bước đi và hình thức thích hợp.

Cùng với đổi mới cơ cấu kinh tế, Đại hội VI chủ trương đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Đại hội nhận rõ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp đã có nhiều hạn chế, không tạo được động lực phát triển sản xuất, kìm hãm kinh tế phát triển, để ra bộ máy quản lý cồng kềnh, kém năng động. Cơ chế cũ gắn liền với tư duy kinh tế dựa trên những quan niệm giản đơn về CNXH, mang nặng tính chất chủ quan duy ý chí. Đại hội VI xác định phương hướng đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là xoá bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế mới phù hợp với quy luật khách quan và trình độ phát triển của nền kinh tế. Cơ chế mới vừa chú trọng tính kế hoạch đồng thời phải sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hoá - tiền tệ, phải xuất phát từ thị trường. Mọi hoạt động kinh tế phải tính đến hiệu quả, phải thực hiện hạch toán kinh doanh XHCN. Nền kinh tế phải được quản

lý bằng các phương pháp kinh tế là chủ yếu. Các đơn vị kinh tế quốc doanh và tập thể có quyền tự chủ sản xuất kinh doanh, tự chủ về tài chính, phải sử dụng tốt các đòn bẩy kinh tế.

Đại hội VI, trong đổi mới chính sách kinh tế đã chú trọng mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Có thể coi đó như sự khởi đầu của chính sách mở cửa mà sau này diễn ra quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Đại hội VI cho rằng nhiệm vụ ổn định và phát triển kinh tế trong chặng đường đầu tiên cũng như sự nghiệp phát triển khoa học - kỹ thuật và công nghiệp hoá XHCN của nước ta tiến hành nhanh hay chậm, điều đó phụ thuộc một phần quan trọng vào việc mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Chương trình làm hàng xuất khẩu cùng với chương trình sản xuất lương thực - thực phẩm và chương trình sản xuất hàng tiêu dùng là 3 chương trình kinh tế lớn mà Đại hội VI đề ra. Đại hội chủ trương: "Công bố chính sách khuyến khích nước ngoài đầu tư vào nước ta dưới nhiều hình thức, nhất là đối với các ngành và cơ sở đòi hỏi kỹ thuật cao, làm hàng xuất khẩu. Đi đôi với công bố luật đầu tư, cần có các chính sách và biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài và Việt kiều vào nước ta để hợp tác kinh doanh"².

Để bảo đảm cho những chính sách kinh tế trên đây thật sự mang lại hiệu quả, Đại hội VI nhấn mạnh một nội dung đổi mới quan trọng là nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, bộ máy nhà nước có nhiệm vụ thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng thành pháp luật, chính sách cụ thể xây dựng chiến lược kinh tế - xã hội và cụ thể hoá chiến lược đó thành những kế hoạch phát triển kinh tế - xã

hội. Đó là những nhiệm vụ hàng đầu của Nhà nước. Nhà nước quản lý đất nước bằng pháp luật chứ không chỉ bằng đạo lý. Pháp luật là thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng, thể hiện ý chí của nhân dân, phải được thực hiện thống nhất trong cả nước. Đó là những chủ trương đổi mới đúng đắn trong hoạt động quản lý của nhà nước để từng bước xác định chức năng quản lý vĩ mô của Nhà nước và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN.

Một nội dung đổi mới có ý nghĩa quyết định mà Đại hội VI xác định là Đảng phải đổi mới tư duy, nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa di sản quý báu về lý luận và tư tưởng cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh; phải đổi mới phong cách làm việc, giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt trong Đảng. Tổng kết kinh nghiệm lịch sử, nhất là hơn mười năm lãnh đạo xây dựng CNXH trên cả nước, Đại hội VI nêu rõ những bài học quan trọng về sự lãnh đạo của Đảng. Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc", xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động. Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan; khắc phục những biểu hiện nóng vội, chủ quan, duy ý chí. Phải biết kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới. Phải xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị của một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng XHCN.

Sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới được quyết định trước hết từ sự hoạch định đường lối đổi mới của Đại hội VI. Sau đó các Đại hội VII (1991), Đại hội VIII (1996) và Đại hội IX (4 - 2001) của Đảng tiếp tục phát triển, bổ sung đường lối. Đại hội VII của Đảng đã đề

ra Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000. Trong Cương lĩnh, Đảng đã xác định mô hình chế độ XHCN mà Đảng và nhân dân ta phấn đấu xây dựng với 6 đặc trưng cơ bản. Đảng chủ trương tiếp tục phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN, xoá bỏ triệt để cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp hình thành cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác. Đại hội VII chủ trương cùng với phát triển kinh tế phải chú trọng chính sách xã hội vì hạnh phúc của con người, phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân, kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội. Cương lĩnh của Đảng được thông qua tại Đại hội VII chú trọng xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động; lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

Vượt qua những khó khăn của đất nước và thách thức mới do sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu, công cuộc đổi mới sau Đại hội VII vẫn tiếp tục phát triển vững chắc. Kế hoạch 5 năm 1991 - 1995 đạt được thành quả to lớn, tăng trưởng kinh tế đạt 8,2%/năm. Đảng và nhân dân Việt Nam tiếp tục giữ vững con đường XHCN.

Đại hội VIII của Đảng (6 - 1996) tổng kết 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới đã khẳng định: "Xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa"³. Trải qua 10 năm đổi mới (1986 -

1996) đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa rất quan trọng. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội; hoàn thành nhiệm vụ để ra cho chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hoá cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Cùng với thành tựu của đổi mới, con đường đi lên CNXH ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn. Có được thành tựu và thành công của công cuộc đổi mới trước hết là nhờ đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng. Đại hội IX của Đảng (4 - 2001) cũng khẳng định: "Đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới"⁴. Đảng khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới, tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, hoàn thiện đường lối đổi mới.

Trong lãnh đạo công cuộc đổi mới, cùng với việc hoạch định và bổ sung, phát triển hoàn thiện đường lối đổi mới, Đảng đặc biệt chú trọng cụ thể hoá, thể chế hoá đường lối, Cương lĩnh của Đảng thành những chủ trương, chính sách và hệ thống pháp luật của Nhà nước, coi trọng chỉ đạo những nhiệm vụ cụ thể để hiện thực hoá đường lối. Sau Đại hội VI, khắc phục những khó khăn, lúng túng, Đảng và Nhà nước đã kịp thời cụ thể hoá và thể chế hoá đường lối đổi mới. Quyết định 217/HĐBT của Hội đồng bộ trưởng ngày 14 - 11 - 1987 trao quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh cho các đơn vị kinh tế quốc doanh. Ngày 29 - 12 - 1987, Quốc hội thông qua Luật đầu tư nước ngoài. Ngày 5 - 4 - 1988, Bộ chính trị ra Nghị quyết Về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, trao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho nông dân và hình thành đơn vị kinh tế hộ của nông dân. HNTƯ 6 (Khoá VI), 3 - 1989, quyết định những nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới và đề ra những chủ trương, chính sách cụ thể rất quan trọng bảo đảm cho công cuộc đổi mới phát triển đúng hướng.

Các Đại hội VII, VIII, IX và các HNTU các nhiệm kỳ đã rất coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo theo những định hướng quan trọng: chú trọng xây dựng phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, hình thành đồng bộ các yếu tố của kinh tế thị trường định hướng XHCN có sự quản lý của Nhà nước; đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH đất nước với những quan điểm, chủ trương, bước đi cụ thể, hướng mạnh vào CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn; coi trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đồng thời thực hiện đúng đắn các chính sách xã hội; xây dựng và thúc đẩy chiến lược giáo dục - đào tạo và chiến lược khoa học công nghệ; phát triển nền kinh tế tri thức, thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và quá trình toàn cầu hoá; phát triển nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; thực hiện chính sách đối ngoại đa phương hoá, đa dạng hoá và giữ vững độc lập tự chủ; tăng cường quốc phòng, an ninh, xây dựng chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, giữ vững ổn định chính trị; thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc và phát huy nội lực của đất nước.

Một trong những thành công của Đảng trong lãnh đạo sự nghiệp đổi mới là *kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm đồng thời từng bước đổi mới chính trị*. Đảng ta đã đúng khi tập trung trước hết vào thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đổi mới kinh tế, khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo tiền đề cần thiết về vật chất và tinh thần để giữ vững ổn định chính trị, xây dựng và củng cố niềm tin của nhân dân, tạo thuận lợi để đổi mới các mặt khác của đời sống xã hội. Đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị phải thực hiện từng bước, thận trọng và vững chắc. Phải thực hiện tốt hơn dân chủ xã hội chủ

nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân đồng thời kiên quyết chống khuynh hướng dân chủ cực đoan, lợi dụng "dân chủ", "nhân quyền" để gây rối về chính trị, không chấp nhận đa nguyên, đa đảng. Từ thực tiễn của công cuộc đổi mới, Đảng cộng sản Việt Nam đã xác định "lãnh đạo kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt"⁵.

Nhờ đổi mới hệ thống chính trị một cách thận trọng, vững chắc mà vai trò lãnh đạo, quản lý, tổ chức của hệ thống chính trị ngày càng được tăng cường có hiệu quả và hiệu lực cao. Đảng chú trọng công tác vận động quần chúng và tăng cường vai trò của các đoàn thể nhân dân. Nghị quyết HNTU 8 (Khoá VI) năm 1990 (NQ8B) chủ trương đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. Vấn đề xây dựng và tăng cường sức mạnh, hiệu lực quản lý của Nhà nước XHCN được Đảng ta đặc biệt coi trọng. HNTU 2 (Khoá VII), 12 - 1991, đã nêu rõ nhiệm vụ, xây dựng củng cố Nhà nước. Đặc biệt HNTU 8 (Khoá VII), tháng 1 - 1995, chủ trương tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính. Đảng chủ trương tăng cường pháp chế XHCN, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp. HNTU 3 (Khoá VIII), 6 - 1997, tiếp tục chủ trương phát huy quyền làm chủ của nhân dân xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN.

Cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của cơ quan hành pháp. Mặc dù còn chưa đạt yêu cầu đặt ra song những chủ trương và biện pháp cải

cách hành chính đã góp phần nâng cao hiệu lực và chất lượng, hiệu quả quản lý. Bộ chính trị cũng đã có Nghị quyết về cải cách hoạt động tư pháp. Nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện bộ máy nhà nước phải được tiến hành đồng bộ và thường xuyên. Điều dễ thấy đó là hoạt động của Quốc hội đã và đang đi vào thực chất về xây dựng nhà nước pháp quyền. Quốc hội đã ngày càng thực hiện tốt hơn chức năng lập pháp tức là làm luật; quyết định những vấn đề lớn của đất nước và thực hiện chức năng giám sát. Rõ ràng đổi mới cơ cấu tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, trước hết của nhà nước đã có tác động rất lớn, nếu không nói là quyết định với đổi mới kinh tế.

Khi coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, trong quá trình đổi mới cũng có nghĩa là nhận thức rõ tầm quan trọng có ý nghĩa quyết định của chính trị, của tư duy chính trị và đường lối chính trị. "Xét trên tổng thể, Đảng ta bắt đầu công cuộc đổi mới từ đổi mới tư duy chính trị trong việc hoạch định đường lối và các chính sách đối nội, đối ngoại. Không có sự đổi mới đó thì không có mọi sự đổi mới khác"⁶.

Lãnh đạo sự nghiệp đổi mới nghĩa là tiếp tục con đường xây dựng CNXH nhưng với tư duy mới nghĩa là nhận thức đúng và rõ hơn về CNXH, về thời kỳ quá độ lên CNXH. Vì vậy, đòi hỏi Đảng phải rất coi trọng công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, coi trọng công tác tư tưởng. Khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hoạt động của Đảng đặt ra những vấn đề cơ bản và bức thiết về nghiên cứu sâu sắc lý luận, tư tưởng đó vận dụng đúng đắn ở Việt Nam. Nghị quyết số 01-NQ/TW của Bộ chính trị, ngày 28 - 3 - 1992, *Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay* đã đề ra nhiệm vụ, phương hướng và những biện

pháp chủ yếu đẩy mạnh công tác lý luận. Công tác lý luận phải tiếp tục nghiên cứu, phát triển và hoàn chỉnh hệ thống những luận cứ khoa học của sự lựa chọn con đường đi lên CNXH ở nước ta, luận cứ khoa học, tính hiện thực làm sáng tỏ con đường đi lên CNXH. Nhiều vấn đề lý luận về kinh tế thị trường định hướng XHCN; về nội dung, đặc điểm của thời đại; về nhà nước pháp quyền XHCN; lý luận về đảng cầm quyền v.v. đã và đang được nghiên cứu làm sáng tỏ. Những thành quả lý luận soi sáng cho hoạt động thực tiễn và củng cố niềm tin vào con đường đã lựa chọn.

Những định hướng lớn trong công tác tư tưởng mà Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ chính trị, ngày 18 - 2 - 1995, đề ra vẫn có giá trị chỉ đạo công tác tư tưởng, tạo nên sự thống nhất ý chí hành động trong toàn Đảng và toàn xã hội. HNTU 5 (Khoá IX) cũng có Nghị quyết về công tác tư tưởng, lý luận. Hoạt động của các cơ quan lý luận của Đảng và đội ngũ cán bộ làm công tác lý luận đã có những đóng góp nhất định vào sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới. Thành tựu của sự nghiệp đổi mới là rất to lớn, vận hội để đất nước phát triển rất rõ ràng song Đảng cũng đã sớm chỉ rõ những nguy cơ, những khó khăn, thử thách cần phải nỗ lực vượt qua. Thắng lợi của công cuộc đổi mới thật sự có ý nghĩa lịch sử và thời đại, là một trong những trang sử vẻ vang của lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.

1, 2. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, ST, H, 1987, tr.56, 85

3, 5, 6. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, CTQG, H, 1996, tr. 68, 75, 71

4. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, CTQG, H, 2001, tr. 82.